

Đề tài - Topic: Hai điều không trộn lẫn – The two don't mix

Ga-la-ti 2:17-21 (Galatians 2:17-21)

Mục đích: Được cứu nhờ ân điển trong Chúa Giê-xu Christ chứ không phải bởi việc làm (luật pháp)

Purpose: Salvation by grace in Jesus Christ, not by works (The Law)

[Những câu hỏi gợi ý đơn giản & áp dụng – Basic questions & applications]

1. Phao-lô “*bị nhận là kẻ có tội*” (c. 17a) trong ý nghĩa nào?

In what sense was Paul “*recognized as a sinner*” (v. 17a)?

2. “*Đấng Christ... làm tôi của tội lỗi*” (c. 17b) nghĩa là thế nào?

What does “*Christ... promotes sin*” (v. 17b) mean?

3. Phao-lô có ý gì khi ông nói, “*Tôi lập lại điều tôi đã phá hủy*” (c. 18)?

What did Paul mean when he said, “*I repeat what I have destroyed*” (v. 18)?

4. “*Chết cho luật pháp*” (c. 19) nghĩa là thế nào?

What does “*die to the law*” (v. 19) mean?

5. Xin cho biết kinh nghiệm của Phao-lô trong câu 20:

Paul's experience in verse 20:

(1) Tôi _____ với Đấng Christ

I _____ with Christ

(2) Tôi sống - I live:

- Không phải tôi sống/Đấng Christ _____

Not I live/Christ _____

- Sống trong xác thịt = sống trong đức tin Con Đức Chúa Trời:

Living in the flesh = living in faith the Son of God:

➤ _____ tôi

_____ me

➤ _____ vì tôi

_____ for me

Bạn áp dụng thực tế bài học như thế nào cho đời sống mình trong tuần tới hoặc cho những tháng năm sắp tới để có thể phúc lợi cho cá nhân, gia đình, và hội thánh West Houston VBC

How you realistically apply the lesson to your life in the coming week or the years ahead to benefit individuals, families, and the West Houston VBC Congregation

Học Thuộc Lòng Ga-la-ti 2:20 Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi. Hiện nay tôi sống trong thể xác, tức là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi và phó chính mình Ngài vì tôi. (BHD)

Memorize Galatians 2:20 (NIV) *I have been crucified with Christ and I no longer live, but Christ lives in me. The life I now live in the body, I live by faith in the Son of God, who loved me and gave himself for me.*

Nghiên Cứu Câu Kinh Thánh - Verse Study Form

Hoàn tất phần nghiên cứu với câu Kinh Thánh thuộc lòng có đánh dấu hoa thị (*) ở trang trước

Using the suggested memory verse marked with an asterisk from the opposite page, complete this verse study form.

1. Địa chỉ của câu Kinh Thánh – verse reference _____

2. Viết ra và định nghĩa hai từ chìa khóa (quan trọng) trong câu Kinh Thánh đó - List two key words and define them.

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

Từ chìa khóa – Key Word: _____

Định nghĩa - Definition: _____

3. Câu Kinh Thánh này nói gì? (Viết lại câu Kinh Thánh theo lối hành văn riêng của quý vị).

What does the verse say? (Paraphrase—Rewrite the verse in your own words.)

4. Tôi có thể áp dụng chân lý của câu Kinh Thánh này vào đời sống của tôi như thế nào?

How can you apply the truth of this verse to your life today?

Kết thúc (bằng thì giờ cầu nguyện và bài tập chuẩn bị cho buổi học lần tới)

Closing (Prayer time and assignment for next week)